TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 411/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2023
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Khanh**;

2. Bà **Võ Phương Trang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Quang Minh Bình** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1461/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: 173/44/15/26, đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hà Dũ B, sinh năm 1982;

Địa chỉ: 173/44/15/26, đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 15/9/2022 và bản tự khai ngày 02/11/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T trình bày: Bà và ông Hà Dũ B tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 03/7/2018; vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu do ông B ghen tuông vô cớ, chửi mắng và đánh bà; tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà T khai vợ chồng có 01(một) con chung tên Hà Gia M, sinh ngày 24/5/2018; khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Dũ B không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của ông B.

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Hà Dũ B; bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T có Đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và bị đơn ông Hà Dũ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông B.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều T và ông Hà Dũ B kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân theo giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 03/7/2018 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp;

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó có bất đồng quan điểm, phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do ông B thường ghen tuông vô cớ, chửi mắng và đánh đập bà T;

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông B, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T khai vợ chồng có 01 (một) con chung tên Hà Gia M, sinh ngày 24/5/2018;

Xét, bà T có yêu cầu được nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án ông B không có mặt để cung cấp ý kiến hay lời khai đối với yêu cầu này của bà T vì vậy cần xem xét, chấp nhận cho bà T được trực tiếp nuôi dạy con chung là Hà Gia M, sinh ngày 24/5/2018. Bà T không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

[3] Về án phí:

- Bà Phạm Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kiều T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều T được ly hôn với ông Hà Dũ B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 03/7/2018 do Ủy ban nhân dân phường An Lạc, quận Bình Tân cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung: Bà T được nuôi dưỡng con chung tên Hà Gia M, sinh ngày 24/5/2018; ông B không phải cấp dưỡng để bà T nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà T khai không có.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009591 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; bà T đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái